

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2020/HS-ST**

Ngày: 24 – 7 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Chung.

2. Ông Phạm Công Gia.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HSST – QĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1993, tại Hậu Giang;

Nơi cư trú: Ấp PT, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2013, Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 01/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, được tạm đình chỉ chấp hành ngày 21/02/2019.

Về nhân thân: Ngày 27/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 21 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2020. (có mặt)

- Bị hại:

1. Tạ Văn H, sinh năm 1974. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Vũ Mạnh C, sinh năm 1990. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Trịnh Thanh T, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 8, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Trần Quốc H, sinh năm 1988. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, SN, ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, SN, ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. Chị Tạ Thị Ngọc D, sinh năm 2003. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Mai Văn B, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, SN, ĐL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 01/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TP áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn: 24 tháng. Ngày 21/02/2019 Nguyễn Văn K được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính, trở về địa phương sinh sống. Trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính Nguyễn Văn K thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 11 năm 2019, Nguyễn Văn K đi sang khu vực thôn 7, SN, ĐL, Bình Thuận, biết được ông Nguyễn Tấn P có một vườn tràm đã đến kỳ hạn khai thác. K điện thoại gặp ông P và hỏi giá cả vườn tràm ông P để mua nhưng ông P không bán.

Để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, Nguyễn Văn K nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối bán vườn tràm của ông P lấy tiền tiêu xài. Ngày 01/11/2019, K biết ông Tạ Văn H là người chuyên đi mua bán cây tràm nên K chủ động đến nhà ông H ở ấp ĐT, TS, Tân Phú tự giới thiệu mình là “Nguyễn Văn T” ở xã Phú Bình đang muốn bán vườn tràm ở thôn 7 SN, ĐL, BT và sau đó K dẫn ông Hà vào vườn tràm của ông Phong.

Sau khi ông H và K xem vườn tràm xong, trên đường về ghé vào quán nước bên đường ở xã PB. Tại đây ông H và K thỏa thuận K bán vườn tràm cho ông H với giá 31.000.000 đồng. Ông Tạ Văn H đặt cọc trước cho K 5.000.000 đồng. Tối ngày 02/11/2019 K đến nhà ông H lấy thêm số tiền 6.000.000 đồng. Sáng ngày 04/11/2019 ông Tạ Văn H đi cùng K và một số người nữa để vào khai thác vườn tràm. Trên đường đi K yêu cầu ông H đưa đủ số tiền còn lại theo thỏa thuận trước đó thì mới được khai thác. Do ông H tin tưởng K nên đã đưa đủ

cho K số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Nhận tiền xong K lấy lý do nên bỏ về trước.

Ông H và người làm vào khai thác cây trầm thì bị ông P phát hiện và yêu cầu dừng khai thác. Ông Hà biết mình bị K lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên dừng khai thác và bồi thường cho ông P số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong K bỏ đi lang thang sử dụng hết số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Sau khi bị lừa đảo chiếm đoạt tiền ông Tạ Văn H trình báo với cơ quan công an. Ngày 24/3/2020 Nguyễn Văn K đầu thú tại công an Phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Vụ án được điều tra làm rõ.

Tài sản thiệt hại: Ông Tạ Văn H bị thiệt hại số tiền: 31.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn K còn khai nhận trước đó vào ngày 05/9/2019 Nguyễn Văn K còn thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn PT, TP, Đồng Nai. Cụ thể:

Vào khoảng 12 giờ 30, ngày 05/9/2019, anh Nguyễn Vũ Mạnh C ở XB, XL, Đồng Nai được người bạn là Nguyễn Mạnh H nhờ chở qua TP, Đồng Nai tìm gặp Nguyễn Văn K để hỏi mượn tiền.

Anh C đồng ý và sử dụng xe mô tô loại Dream II biển số 60F9-6692 (xe mô tô này của ông Nguyễn Văn A là cho ruột của anh C) chở H qua TP. Đến TP anh H gọi điện cho Nguyễn Văn K. Hai bên gặp nhau và K dẫn anh C, H vào căn nhà bỏ hoang của chị Trần Thị V ở ấp PY, PT, TP, Đồng Nai. Tại đây, anh H hỏi mượn tiền của K nhưng K không có tiền cho mượn. Khoảng 16 giờ cùng ngày, K thấy anh C có một chiếc điện thoại Iphone 5s và xe mô tô nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh C.

K lấy lý do cần điện thoại, xe mô tô để gọi điện hỏi mượn tiền và đi lấy tiền nên K hỏi anh C mượn xe mô tô và điện thoại. Anh C vì tin tưởng nên đã đồng ý giao xe mô tô và điện thoại cho K. Sau khi có được tài sản của anh C, Nguyễn Văn K đem xe mô tô đến gặp Trịnh Thanh T ở ấp 8, PT, TP, Đồng Nai nói với T là xe mô tô của chị K và nhờ T cầm hộ chiếc xe mô tô trên để lấy tiền. Do xe mô tô không có giấy tờ nên T không cầm cố được.

T đem xe mô tô về nhà và nhờ người trả mô tô lại cho K nhưng không gặp K. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên T đem xe mô tô bán cho anh Trần Quốc H ở ấp 2, PL, TP, Đồng Nai với giá 6.600.000 đồng. T sử dụng số tiền trên vào tiêu xài cá nhân.

Đối với chiếc điện thoại của anh C, K đem bán cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ được 300.000 đồng. K sử dụng số tiền trên vào việc mua ma túy sử dụng. Sau khi không thấy K đem xe mô tô và điện thoại đi động về trả, ngày 06/6/2019, anh Nguyễn Vũ Mạnh C trình báo sự việc bị K chiếm đoạt điện thoại đi động và xe mô tô với công an xã PT.

Tài sản thiệt hại: 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692, 01 điện thoại di động Iphone 5s. Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/ KL.HĐĐGTS ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TP xác định trị giá 13.700.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692, hiện đã trao trả cho chủ sở hữu. Số tiền 31.000.000 đồng hiện chưa thu hồi được và 01 điện thoại Iphone 5s, hiện chưa thu hồi được, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TP đã ra thông báo truy tìm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Cáo trạng số 63/CT-VKSTP-ĐN ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn K, trên cơ sở đánh giá các dấu hiệu cấu thành tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về mức hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Tạ Văn H yêu cầu Nguyễn Văn K bồi thường số tiền 34.000.000 đồng (trong đó 3.000.000 đồng là số tiền ông Tạ Văn H bồi thường cho ông Nguyễn Tấn P). Đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Tạ Văn H số tiền 34.000.000đ.

Anh Nguyễn Vũ Mạnh C đã nhận được xe mô tô, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Quốc H yêu cầu Trịnh Thanh T bồi thường số tiền 6.600.000 đồng. Đề nghị buộc anh T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh H theo quy định.

Trong quá trình điều tra: Nguyễn Văn K còn khai nhận: Vào tháng 12 năm 2019 tại huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Văn K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Ngọc Minh T 01 xe mô tô, sau đó đem bán được 4.000.000 đồng. Xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐH tỉnh Lâm Đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TP đã ra thông báo cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐH tỉnh Lâm Đồng.

Đối với anh Trần Quốc H có hành vi mua xe mô tô của Trịnh Thanh T do Nguyễn Văn K nhờ cầm cố nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý.

Đối với Trịnh Thanh T nhận xe mô tô do K lừa đảo chiếm đoạt được nhờ đem đi cầm cố, sau đó Tú đem bán cho anh H nhưng do Trịnh Thanh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 5s, hiện chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra công an huyện TP đã ra thông báo truy tìm, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thể hiện tại hồ sơ và tại phiên tòa:

Bị hại Tạ Văn H trình bày: Vào ngày 01/11/2019, anh được đối tượng xưng là “Tuấn” (nay đã xác định là Nguyễn Văn K) dẫn đi xem một vườn tràm để khai thác tại thôn 7, xã SN, huyện DL, tỉnh Bình Thuận. Do K giới thiệu đây là vườn tràm của K nên vợ chồng anh sau khi đi xem xong vườn tràm đã đồng ý mua để khai thác với giá 31.000.000đ. Anh đã đặt cọc trước cho K số tiền 5.000.000đ. Đến ngày 02/11/2019, K đến nhà anh tiếp tục lấy số tiền 6.000.000đ. Ngày 04/11/2019, K cùng anh và một số người làm đi khai thác vườn tràm như đã thỏa thuận. Khi đến vườn tràm thì K yêu cầu anh thanh toán đủ số tiền còn lại mới được khai thác nên anh đã đưa anh số tiền 20.000.000đ còn lại cho K. Tổng số tiền anh đã đưa cho K là 31.000.000đ.

Khi vào vườn khai thác được khoảng 03 tiếng đồng hồ thì bị chủ vườn đến ngăn lại và anh phát hiện mình đã bị K lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của K. Nay anh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh tổng số tiền 34.000.000đ (trong đó có 31.000.000đ là tiền anh đã thanh toán tiền khai thác vườn tràm cho bị cáo và 3.000.000đ là tiền anh phải chi ra để bồi thường thiệt hại cho chủ vườn là ông Nguyễn Tấn P). Anh yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý mức hình phạt cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Vũ Mạnh C trình bày: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 05/9/2019, anh Nguyễn Mạnh H (anh Hoàng là bạn bè của anh) có nhờ anh chở anh H lên huyện TP để mượn tiền thì anh đồng ý. Khi lên đến huyện Tân Phú, K dẫn anh và anh H vào một căn nhà hoang thuộc ấp PY, xã PT. Khi vào trong nhà, anh H có đề cập vấn đề mượn tiền với anh K, một lúc sau K hỏi mượn anh 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 và 01 điện thoại Iphone 5s thì anh đồng ý. Khi đi K có nói với anh và anh Hoàng là đợi một lát K sẽ quay lại. Anh và H chờ K cho đến hết ngày 06/9/2019 nhưng vẫn không thấy K. Biết mình bị K lừa để chiếm đoạt tài sản nên anh đã trình báo công an. Anh đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692. Nay anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý mức hình phạt cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Thanh T trình bày: Vào khoảng tháng 9/2019, K có chạy 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 đến nhờ anh mang đi cầm cố và có nói là xe của chị của K nhưng anh không đi cầm cố được nên đã nhờ B chạy xe về trả lại cho K nhưng do không gặp được K nên đã mang xe về lại nhà anh. Do cần tiền tiêu xài nên anh đã bán lại chiếc xe cho anh Trần Quốc H với giá 5.000.000đ. Anh không biết 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 là tài sản do phạm tội mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc H trình bày: Vào khoảng tháng 9/2019, anh có mua của anh Tú 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 với giá 7.000.000đ. Nhưng khi lấy xe thì Tú có bớt cho anh 300.000đ đến 400.000đ (anh không nhớ rõ). Anh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Anh sử dụng xe để phục vụ cho việc đi làm. Sau này, anh được biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên anh đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Tại phiên tòa, anh chỉ yêu cầu anh Trịnh Thanh T có trách nhiệm thường cho anh số tiền 5.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn P trình bày: Vào ngày 04/11/2019, ông nghe được thông tin vườn tràm ông mua lại để khai thác tại tổ 4, thôn SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận đang có người khai thác nên ông đã đến và ngăn cản thì anh H là người đang khai thác có nói là đã mua lại của một người tên “Tuấn”. Ngay lập tức, ông đã gọi cho ông B – là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất có trồng tràm nêu trên đến để xác nhận sự việc ông đã mua lại vườn tràm này để khai thác. Lúc này, anh H biết được việc mình đã khai thác vườn tràm không phải thuộc sở hữu của đối tượng tên “Tuấn” (sau này xác định là bị cáo K) và biết mình đã bị lừa. Anh H đã ngưng việc khai thác tràm và đã bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ. Nay ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày: Vào khoảng năm 2000, ông có mua 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 với giá 30.000.000đ, đây là tài sản của ông. Đến tháng 9/2020, ông có con trai là anh Nguyễn Vũ Mạnh C mượn xe để chở bạn đi mượn tiền ở xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, bị K lừa chiếm đoạt tài sản. Hiện nay, 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 đã được trao trả lại cho ông. Ông không yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày: Vào khoảng cuối tháng 10/2019, vợ chồng bà có bán cho ông Nguyễn Tấn P khoảng hơn một sào đất trồng tràm tại thôn 7, xã SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận để ông P khai thác với giá 7.000.000đ. Ông P đã thanh toán đầy đủ tiền. Ngoài ra, bà không biết cũng như không chứng kiến sự việc gì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo K.

Người làm chứng chị Tạ Thị Ngọc D trình bày: Chị là con gái bị hại Tạ Văn H. Vào ngày 01/11/2019, ông H có nhờ chị viết một tờ giấy với nội dung “mua của anh Tuấn 01 miếng tràm với giá 31.000.000đ có đưa trước 5.000.000đ. Đến ngày 4 cắt và sẽ hoàn trả lại đủ số tiền”. Mục đích ông H nhờ chị viết giấy là để hôm sau đưa cho đối tượng tên “Tuấn” (sau này xác định là bị cáo K) ký. Sau đó 02 – 03 ngày sau thì chị được cha mẹ nói gia đình bị K lừa chiếm đoạt tài sản là số tiền 31.000.000đ nên gia đình đã làm đơn tố cáo K. Chị không trực tiếp chứng kiến sự việc giao tiền giữa cha chị và K cũng như việc K đã ký xác nhận vào nội dung giấy tay trên hay chưa thì chị không biết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K, các bị hại Tạ Văn H và Nguyễn Vũ Mạnh C không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Văn K là đối tượng nghiện ma túy. Trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính, K đã thực hiện hai vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ, ngày 05/9/2019, tại ấp PY, xã PT, huyện TP, K dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Nguyễn Vũ Mạnh C 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9- 6692 và 01 điện thoại di động Iphone 5s trị giá 13.700.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 01/11/2019, tại ấp ĐT, xã TS, huyện TP, K dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông Tạ Văn H số tiền trị giá 31.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Văn K chiếm đoạt là 44.700.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi do bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại ông Tạ Văn H và anh Nguyễn Vũ Mạnh C được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội vào các ngày 05/9/2019 và 01/11/2019, các lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự. Do đó đủ yếu tố cấu thành tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Ngày 27/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 21 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Ngày 01/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, được tạm đình chỉ chấp hành ngày 21/02/2019.

Do đó xác định bị cáo có nhân thân xấu, nay lại tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy phải xét xử và áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Tạ Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 34.000.000đ (bao gồm số tiền 31.000.000đ ông H đưa cho bị cáo và 3.000.000đ là số tiền ông H đã bồi thường cho ông Nguyễn Tấn P khi thực hiện hành vi khai thác vườn tràm của ông P). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 34.000.000đ cho bị hại H.

Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Tạ Văn H với số tiền 34.000.000đ (ba mươi bốn triệu đồng).

Bị hại Nguyễn Vũ Mạnh C đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô hiệu Dream II biển số 60F9 – 6692 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Quốc H yêu cầu anh Trịnh Thanh T bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000đ. Xét yêu cầu bồi thường trên của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc anh Trịnh Thanh T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Trần Quốc H với số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với số tiền 300.000đ bị cáo có được từ việc bán 01 điện thoại Iphone 5S. Xét số tiền trên là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự cần buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình điều tra: Nguyễn Văn K còn khai nhận: Vào tháng 12 năm 2019 tại huyện ĐH, tỉnh Lâm Đồng, K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Ngọc Minh T 01 xe mô tô, sau đó đem bán được 4.000.000 đồng. Xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐH tỉnh Lâm Đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TP đã ra thông báo cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐH tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

Đối với anh Trần Văn H có hành vi mua xe mô tô của Trịnh Thanh T do Nguyễn Văn K nhờ cầm cố nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý là phù hợp.

Đối với Trịnh Thanh T nhận xe mô tô do K lừa đảo chiếm đoạt được nhờ đem đi cầm cố, sau đó T đem bán cho anh H nhưng do Trịnh Thanh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý là phù hợp. Tuy nhiên, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý hành vi T đem tài sản không thuộc sở hữu của mình đi bán cho người khác.

Đối với 01 điện thoại Iphone 5s, hiện chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra công an huyện TP đã ra thông báo truy tìm, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Tạ Văn H số tiền 34.000.000đ (ba mươi bốn triệu đồng).

- Buộc anh Trịnh Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho anh Trần Quốc H với số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về các vấn đề khác:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K nộp lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) sung vào Ngân sách nhà nước do đây là số tiền thu lợi bất chính.

4. Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trịnh Thanh T phải chịu 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; các bị hại Hà và Cường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn An, Trần Quốc Hoàn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thanh Tú, Nguyễn Tấn Phong vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Phi